

BIỂU PHÍ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN TÀI CHÍNH

• Thời gian hiệu lực: ngày 16/08/2024

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
A. THƯ TÍN DỤNG (L/C)		
I	LC xuất khẩu/LC nội địa do MSB thông báo	
1	Thông báo LC	20 USD/400.000 VND
2	Thông báo sửa đổi/ Hủy LC(bao gồm cả LC chuyển nhượng)	10 USD/200.000 VND
3	Lập cover Bộ chứng từ (không kiểm tra)	10 USD/200.000 VND
4	Tư vấn và kiểm tra BCT	20 USD/400.000 VND
5	Thanh toán BCT	0,15% trị giá BCT Tối thiểu: 30 USD/600.000VND
6	Chuyển nhượng L/C xuất khẩu/Sửa đổi tăng tiền L/C chuyển nhượng	0,15% trị giá chuyển nhượng/ giá trị sửa đổi Tối thiểu: 30 USD/600.000VND
II	L/C nhập khẩu/ L/C nội địa do Msb phát hành	
1	Phát hành L/C	Ký quỹ 100% giá trị: 0,05% trị giá L/C Ký quỹ dưới 100% giá trị: 0,15% trị giá L/C Tối thiểu: 50USD/1.000.000 VND
2	Sửa đổi tăng số tiền	Như mức phí tại A.II.1 trên phần giá trị tăng thêm; Tối thiểu 30 USD/600.000VND
3	Các sửa đổi khác	30 USD/600.000VND
4	Phí xử lý BCT nhập khẩu	10 USD/200.000 VND
5	Thanh toán L/C	0,2% trị giá BCT Tối thiểu: 30 USD/600.000VND
6	Chấp nhận hối phiếu/chấp nhận thanh toán L/C trả chậm	0,2%/ tháng/giá trị BCT Tối thiểu: 50USD/1.000.000 VND

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
7	Hủy L/C theo yêu cầu của Khách hàng	30 USD/600.000VND + phí ngân hàng nước ngoài (nếu có)
B. NHỜ THU		
I	Nhờ thu xuất khẩu/ Nhờ thu đi trong nước	
1	Nhận và xử lý/Sửa đổi/Hủy/Thu hồi bộ chứng từ	20 USD/400.000 VND
2	Thanh toán bộ chứng từ	0,2% trị giá BCT, 30 USD/600.000VND
II	Nhờ thu Nhập khẩu/Nhờ thu đến trong nước	
1	Xử lý và thông báo/thông báo sửa đổi/Hủy/Từ chối thanh toán	20 USD/400.000 VND
2	Thanh toán bộ chứng từ	0,2% trị giá BCT, 30 USD/600.000VND
C. BẢO LÃNH		
I	Phát hành bảo lãnh	
1	Phát hành bảo lãnh ký quỹ 100%	0,75%/năm, tối thiểu 500.000 VNĐ/25 USD
2	Phát hành bảo lãnh ký quỹ <100%	500.000 VNĐ/25 USD
2.1	Bảo lãnh dự thầu, bảo hành, thực hiện hợp đồng, hoàn tạm ứng	1,8%/năm
2.2	Bảo lãnh thanh toán, nhà, khác	2,2%/năm
2.3	Bảo lãnh vay vốn	2,6%/năm
3	Phát hành bảo lãnh có thay đổi tỷ lệ ký quỹ từ 100% xuống dưới 100% trong thời gian hiệu lực của bảo lãnh	Phí thu tương ứng với thời gian, mức phí, tỷ lệ ký quỹ thực tế của bảo lãnh đã phát hành tương ứng.
4	MSB phát hành bảo lãnh đối ứng	Như Mục C.I + phí của NH khác phát hành
5	Bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp	Theo thỏa thuận

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
II	Sửa đổi bảo lãnh	
1	Sửa đổi tăng số tiền và/hoặc gia hạn bảo lãnh	Như Mục I Phần C (Tính trên số tiền tăng thêm và/ hoặc gia hạn). Tối thiểu: 300.000 VND/15 USD/lần.
2	Sửa đổi khác	Tối thiểu: 300.000 VND/15 USD/lần
III	Thông báo bảo lãnh/thông báo sửa đổi bảo lãnh/hủy bỏ bảo lãnh	
1	Thông báo bảo lãnh	20 USD/400.000 VND
2	Thông báo sửa đổi /hủy bỏ bảo lãnh	10 USD/200.000 VND
IV	Dịch vụ khác	
1	Hủy bảo lãnh theo yêu cầu của khách hàng/Phát hành lại bảo lãnh do hư hỏng/thất lạc	Tối thiểu: 300.000 VND/15 USD
2	Thư bảo lãnh khác mẫu	300.000 VND/15 USD
D	ĐIỆN PHÍ VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC	
I	Phí thu khách hàng	
1	Điện phí phát hành/tu chỉnh L/C	40 USD/800.000 VND
2	Điện phí phát hành/tu chỉnh Bảo lãnh	40 USD/800.000 VND
3	Điện phí khác	15 USD/300.000 VND
4	Phát hành thư bảo lãnh nhận hàng	100 USD/2.000.000 VND
5	Sửa đổi bảo lãnh nhận hàng	30 USD/600.000 VND
6	Ký hậu vận đơn/ủy quyền nhận hàng/cargo receipt/biên bản giao nhận hàng hóa	15 USD/300.000 VND
7	Cước phí chuyển phát	thu theo thực tế
8	Dịch thuật	theo thông báo của Công ty dịch thuật
9	Khách hàng đề nghị thay đổi biện pháp bảo đảm	300.000 VND/1 giao dịch LC hoặc Bảo lãnh

STT	DỊCH VỤ	MỨC PHÍ
II	Phí thu của người thụ hưởng/Ngân hàng khác	
1	Phí bộ chứng từ bất hợp lệ	100 USD/2.000.000 VND
2	Điện phí	30 USD/600.000VND
3	Phí gửi thiếu bộ chứng từ copy	30 USD/600.000VND
E	BAO THANH TOÁN (BTT)	
1	Phí BTT Bên bán trong nước	0,15% trị giá mỗi hóa đơn được BTT. Tối thiểu: 200.000 VND Tối đa 5.000.000 VND.
2	Phí BTT Bên bán xuất khẩu	0,15% trị giá mỗi hóa đơn được BTT Tối thiểu 20 USD, Tối đa 200 USD.
3	Phí thu hộ bên thứ 3 tham gia giao dịch BTT	Theo thông báo của bên thứ 3
F	PHÍ KHÁC	Theo thỏa thuận với Khách hàng

Lưu ý:

1. Biểu phí này không bao gồm thuế VAT. MSB sẽ tính VAT với các phí thuộc đối tượng chịu thuế VAT theo quy định của Pháp luật hiện hành
2. Các giao dịch bằng đồng tiền VND thu mức phí VND
3. Phí ngoại tệ có thể thu bằng VND theo tỷ giá bán MSB công bố tại thời điểm thu phí
4. Giải tỏa ký quỹ/hủy phần dung sai /hủy L/C đã hết hạn trên 30 ngày: Miễn phí
5. Hủy bảo lãnh khi MSB hết nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật: Miễn phí
6. MSB không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp KH yêu cầu hủy bỏ dịch vụ hoặc dịch vụ không thực hiện được vì sai sót, sự cố không phải lỗi của MSB gây ra
7. Thư bảo lãnh khác mẫu là Thư bảo lãnh không theo mẫu của MSB hoặc khác mẫu theo quy định của các Bộ ngành, cơ quan thuế, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
8. Với mỗi một giao dịch L/C, Bảo lãnh: chỉ thu duy nhất 1 lần phí thay đổi biện pháp bảo đảm kể cả khách hàng có phát sinh nhiều lần thay đổi